

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ANH**

Năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ANH**

Năm 2020

Mục lục

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1.
2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	2.
3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3.
4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	5.
5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	5.
6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	6.
7. THANG ĐIỂM	6.
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	6.
9. PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO	10.
10. MÔ TẢ NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG ĐVTC CÁC HỌC PHẦN	13.

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

Tên chương trình: Sư phạm tiếng Anh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Anh
Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số: /QĐ-DHĐN ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành sư phạm Anh

Chương trình ngành sư phạm tiếng Anh trình độ đại học đào tạo những cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng các qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của người giáo viên giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông, các trung tâm ngoại ngữ, các cơ sở giáo dục, quản lý chuyên môn ở các trường học...; có năng lực tự học nhằm hoàn thiện bản thân, học tập nâng cao trình độ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành sư phạm Anh

Tên chương trình (Tiếng Việt): Sư phạm Anh

Tên chương trình (Tiếng Anh): English Teacher Education

Mã ngành đào tạo:

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Hình thức đào tạo: Chính qui

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ: 138

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi của trường Đại học Đồng Nai

- **Sứ mạng**

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng mục đích phát triển toàn diện người học. Hợp tác, nghiên cứu, chuyên gia khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai.

- **Tầm nhìn**

Xây dựng nhà trường thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín chất lượng hàng đầu của tỉnh Đồng Nai và khu vực. Hướng tới các mục tiêu: Tập trung đội ngũ các chuyên gia giáo dục, cán bộ giảng viên có trách nhiệm, trình độ cao. Nội dung chương trình đào tạo tiên tiến, có sự hợp tác quốc tế sâu rộng. Cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai và cả nước.

- **Giá trị cốt lõi**

1. Chất lượng – Hiệu quả
2. Đổi mới – Sáng tạo
3. Kế thừa – Phát triển
4. Hợp tác - Hội nhập
5. Trách nhiệm - Cống hiến

2.2. Mục tiêu chiến lược của Khoa Ngoại ngữ

Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy trong giai đoạn mới, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt nhất cho người học.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học nhằm đáp ứng thị trường lao động trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển năng lực chuyên môn của ngoại ngữ của người học đạt chuẩn qui định bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng quy định khung trình độ quốc gia Việt Nam và các chuẩn quốc tế.

2.3. Mục tiêu đào tạo: (*Program Object-Viết tắt là PO*)

- *Về kiến thức:*

PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng cộng sản Việt nam và các kiến thức pháp luật đại cương.

PO2: Nắm vững kiến thức cơ bản về chính trị; văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

PO3: Thực hành các thủ thuật dạy kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, luyện âm) và kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) theo hướng giao tiếp trong thời gian giảng tập trong lớp học và thực tập sư phạm tại các nơi thực tập. Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.

PO4: Kiến thức về vấn đề chuyên biệt như dạy học phân hóa và tích hợp, quản lý hoạt động dạy và học Tiếng Anh; phát triển năng lực tự học Tiếng Anh cho người học để đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

- Về kỹ năng:

PO5: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Giao tiếp tốt trong mọi tình huống.

PO6: Biết cách lên ý tưởng công việc, biết tư duy sáng tạo. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường giáo dục và trong quá trình hội nhập quốc tế.

PO7: Khai thác, sử dụng hiệu quả các phương tiện hiện đại trong dạy và học tiếng Anh. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn.

- Về thái độ:

PO8: Tuân thủ chấp hành tốt kỷ cương pháp luật, đường lối, chính sách của nhà nước.

PO9: Nâng cao ý thức trách nhiệm, yêu học sinh, yêu nghề, tôn trọng và quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp.

PO10: Hiểu biết và tôn trọng văn hóa các nước. Có ý thức phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội; có trách nhiệm xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program learning outcomes - Viết tắt là PLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTDT ngành sư phạm Anh, Chuẩn nghề nghiệp quốc tế thể hiện năng lực thực hiện KSA (Knowledge, Skills, Attitudes)

PLOs	PLO Detail
A1. Kiến thức chung (General Knowledge)	
PLO1	1.1. 1.1. Hiểu và áp dụng vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
PLO2	1.2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngôn ngữ để tiếp nhận những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

PLO3	1.3. Phân tích các kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, dân tộc... làm nền tảng để nắm bắt kiến thức chuyên ngành.
PLO4	1.4. Nắm vững kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; các chủ trương phát triển đường lối kinh tế, xã hội và giáo dục Việt nam.
A2. Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp (Occupational Knowledge)	
PLO5	2.1. Kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ và ứng dụng của ngôn ngữ học; viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn.
PLO6	2.2. Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy.
PLO7	2.3. Nắm vững lý luận và phương pháp; kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy tiếng Anh.
B1. Kỹ năng chung (General Skills)	
PLO8	1.1. Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả, trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành.
PLO9	1.2. Vận dụng kỹ năng tư duy, giao tiếp tiếng Anh, thuyết trình trước đám đông, và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả vào quản lý lớp học và truyền đạt kiến thức một cách khoa học và hệ thống.
PLO10	1.3 Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sư phạm.
B2. Kỹ năng nghề nghiệp (Occupational Skills)	
PLO11	2.1. Thực hiện các hoạt động theo hướng giao tiếp và đa dạng hóa các thủ thuật dạy học để khuyến khích học sinh học tập cũng như nâng cao tính tích cực của học sinh.
PLO12	2.2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh, thiết kế giáo án, kiểm tra đánh giá kế hoạch học tập của học sinh, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục trong việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học.
PLO13	2.3. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh; phân tích, tổng hợp và trình bày thông tin, kết quả công việc.
C. Mức tự chủ trách nhiệm của người học (Attitudes)	
PLO14	1.1. Có thái độ chính trị đúng đắn và tuân thủ pháp luật. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, làm tấm gương tốt cho học sinh.

PLO15	1.2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của học sinh, đối xử công bằng và bình đẳng với học sinh, quan hệ tốt với phụ huynh và đồng nghiệp.
--------------	---

Bảng 2. Quan hệ giữa mục tiêu (POs) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT

Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	x													x	x
2		x	x	x										x	
3					x	x	x	x							
4						x				x	x	x			
5					x						x	x	x		
6									x		x	x	x		
7							x	x		x		x			
8	x	x		x										x	x
9									x				x	x	x
10			x								x			x	x

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

138 đơn vị tín chỉ (viết tắt là TC) không tính các học phần GDTC và GDQP-AN.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

5.1. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự thi tuyển vào chuyên ngành này:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (sau đây gọi chung là trung học);

- Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của người học;

- Trong độ tuổi quy định đối với những ngành có quy định hạn chế tuổi;

- Về khu vực dự tuyển, tuyển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Có hộ khẩu ở Đồng Nai)

5.2. Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

- Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;

- Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

- Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);

- Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục-Đào tạo.

7. THANG ĐIỂM

Sử dụng thang điểm 10 và thực hiện việc chuyển điểm theo quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

NỘI DUNG	SỐ TÍN CHỈ	TÍN CHỈ BẮT BUỘC	TÍN CHỈ TỰ CHỌN
Khối kiến thức chung	24		

Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34		
Khối kiến thức cơ sở ngành	8	4	4/4
Khối kiến thức chuyên sâu của ngành	67	65	2/8
Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế	5		
Tổng	138		

Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
A	Khối kiến thức đại cương	24
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Tin học đại cương	2
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	2
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	2
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	3
10	PPNK Khoa học tiếng Anh	2
11	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành GD-ĐT	2
12	Giáo dục thể chất	
13	Giáo dục quốc phòng	
B	Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34
	a. Kiến thức cơ sở chung	14
14	Tâm lý học đại cương	2
15	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm	3
16	Giáo dục học đại cương	2
17	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3
18	Giao tiếp sư phạm	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
19	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2
	b. Thực hành sư phạm	12
20	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3
21	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2
22	Kiến tập sư phạm	2
23	Thực tập sư phạm	5
	c. Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành	8
24	Cơ sở lí luận dạy và học ngôn ngữ	2
25	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1	3
26	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2	3
C	Khối kiến thức chuyên ngành	75
I	Khối kiến thức cơ sở ngành	8
	a. Bắt buộc	
27	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
28	Ngôn ngữ đối chiếu Anh-Việt	2
	b. Tự chọn	4/4
29	Tiếng Việt thực hành	2
30	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
II	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành	67
	a. Bắt buộc	65
31	Nghe cơ bản 1	2
32	Nghe cơ bản 2	2
33	Nghe cơ bản 3	2
34	Nghe cơ bản 4	2
35	Nghe nâng cao	2
36	Nói cơ bản 1	2
37	Nói cơ bản 2	2
38	Nói cơ bản 3	2
39	Nói cơ bản 4	2
40	Nói nâng cao	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
41	Đọc cơ bản 1	2
42	Đọc cơ bản 2	2
43	Đọc cơ bản 3	2
44	Đọc cơ bản 4	2
45	Đọc nâng cao 1	2
46	Đọc nâng cao 2	2
47	Viết cơ bản 1	2
48	Viết cơ bản 2	2
49	Viết cơ bản 3	2
50	Viết cơ bản 4	2
51	Viết nâng cao 1	2
52	Viết nâng cao 2	2
53	Ngữ âm thực hành 1	2
54	Ngữ âm thực hành 2	2
55	Ngữ pháp 1	2
56	Ngữ pháp 2	2
57	Ngữ âm học	2
58	Cú pháp học	2
59	Đất nước học Anh	2
60	Ngữ nghĩa học	2
61	Đất nước học Mỹ	2
62	Dịch Anh - Việt	3
	b. Tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)	2/8
63	Phân tích diễn ngôn *	2
64	Ngữ dụng học *	2
65	Hình thái học *	2
66	Giao thoa văn hóa *	2
D	Khóa luận hoặc các học phần thay thế	5
67	Khóa luận	5
	Các học phần thay thế	5
68	Dịch Việt - Anh	3

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
69	Kỹ năng thuyết trình	2
Tổng:		138

9. PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
A	Khối kiến thức chung	24								
1	Triết học Mác - Lênin	3		3						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
6	Tin học đại cương	2		2						
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	2	2							
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	2		2						
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	3			3					
10	PPNK Khoa học tiếng Anh	2				2				
11	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý GDĐT	2				2				
12	Giáo dục thể chất	3	x	x	x					
13	Giáo dục quốc phòng	165T								
B	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM	34								
I	Kiến thức cơ sở chung	14								
14	Tâm lý học đại cương	2	2							
15	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm	3		3						
16	Giáo dục học đại cương	2		2						
17	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3			3					
18	Giao tiếp sư phạm	2				2				

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ								
			1	2	3	4	5	6	7	8	
19	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2								2	
II	Thực hành sư phạm	12									
20	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3								3	
21	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2							2		
22	Kiến tập sư phạm	2					2				
23	Thực tập sư phạm	5									5
III	Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành	8									
24	Cơ sở lí luận dạy và học ngôn ngữ	2			2						
25	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1	3					3				
26	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2	3						3			
C	Khối kiến thức chuyên ngành	75									
I	Khối kiến thức cơ sở ngành	8									
a.	Bắt buộc										
27	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2								
28	Ngôn ngữ đối chiếu: Anh-Việt	2								2	
b.	Tự chọn	4/4									
29	Tiếng Việt thực hành	2	2								
30	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2								
II	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành	67									
a.	Bắt buộc	65									
31	Nghe cơ bản 1	2	2								
32	Nghe cơ bản 2	2		2							
33	Nghe cơ bản 3	2			2						
34	Nghe cơ bản 4	2				2					
35	Nghe nâng cao	2					2				

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
36	Nói cơ bản 1	2	2							
37	Nói cơ bản 2	2		2						
38	Nói cơ bản 3	2			2					
39	Nói cơ bản 4	2				2				
40	Nói nâng cao	2					2			
41	Đọc cơ bản 1	2	2							
42	Đọc cơ bản 2	2		2						
43	Đọc cơ bản 3	2			2					
44	Đọc cơ bản 4	2				2				
45	Đọc nâng cao 1	2					2			
46	Đọc nâng cao 2	2						2		
47	Viết cơ bản 1	2	2							
48	Viết cơ bản 2	2		2						
49	Viết cơ bản 3	2			2					
50	Viết cơ bản 4	2				2				
51	Viết nâng cao 1	2					2			
52	Viết nâng cao 2	2						2		
53	Ngữ âm thực hành 1	2	2							
54	Ngữ âm thực hành 2	2		2						
55	Ngữ pháp 1	2			2					
56	Ngữ pháp 2	2				2				
57	Ngữ âm học	2					2			
58	Cú pháp học	2						2		
59	Đất nước học Anh	2						2		
60	Ngữ nghĩa học	2						2		
61	Đất nước học Mỹ	2							2	
62	Dịch Anh - Việt	3							3	
b.	Tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)	2/8								

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
63	Phân tích diễn ngôn *	2						x		
64	Ngữ dụng học *	2						x		
65	Hình thái học *	2						2		
66	Giao thoa văn hóa *	2						x		
D	Khóa luận hoặc các học phần thay thế	5								
67	Khóa luận	5								x
	Các học phần thay thế	5								
68	Dịch Việt - Anh	3								3
69	Kỹ năng thuyết trình	2								2
TC	TỔNG SỐ TC TOÀN KHÓA (*)	138	20	22	20	18	17	19	12	10

(*) Không tính kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

10. MÔ TẢ NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG ĐVTC CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lênin

3 tín chỉ

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên:

– Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

– Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

– Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2 tín chỉ

- Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 tín chỉ

- Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải

trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

- Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 tín chỉ

- Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tin học đại cương

2 tín chỉ

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

- Nội dung học phần là trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về tin học, máy tính điện tử, mạng máy tính, internet. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như: soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình. Sinh viên được học trực tiếp trong phòng máy có trang bị máy chiếu hỗ trợ giảng dạy. Mỗi sinh viên thực thành trên 1 máy tính và phải hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm làm cơ sở để giảng viên đánh giá điểm quá trình. Bài thi đánh giá kết thúc học phần được lựa chọn theo hình thức trắc nghiệm khách quan.

6. Ngoại ngữ 2 (học phần 1)

2 tín chỉ

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ:

- Ngữ âm: nắm được cách phát âm các phụ âm đầu (thanh mẫu), vần (vận mẫu), thanh điệu, ghép vần, các hiện tượng biến âm cơ bản thường gặp cũng như quy tắc phiên âm trong tiếng Hán.

- Hán tự: hiểu được các nét bút cũng như kết cấu chữ Hán; Biết được một số bộ thủ thường gặp trong chữ Hán; Nắm được quy tắc bút thuận của chữ Hán.

- Từ vựng: nắm được nghĩa và cách dùng của khoảng 120 từ vựng trong bài.

- Ngữ pháp: nắm được 09 điểm ngữ pháp và 30 mẫu câu giao tiếp cơ bản.

7. Ngoại ngữ 2 (học phần 2)

2 tín chỉ

- Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp. Qua đó, giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học, viết đúng nét các chữ Hán trong bài học, tự tin thực hành giao tiếp xoay quanh các chủ đề trong học phần.

8. Ngoại ngữ 2 (học phần 3)

3 tín chỉ

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu và 28 điểm ngữ pháp. Môn học giúp sinh viên rèn luyện phát âm rõ ràng chuẩn xác cũng như khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn ngắn thuộc các chủ đề đã học. Ngoài ra, sinh viên có thể chép lại các từ ngữ hoặc đoạn văn ngắn được trình bày với dạng in chuẩn. Sinh viên cũng hoàn toàn có thể viết

được những đoạn văn ngắn bằng những câu đơn giản xoay quanh các chủ đề đã học trong học phần.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 tín chỉ

- Nội dung học phần “Phương Pháp Nghiên cứu Khoa học” (Writing Research papers: From Essay to Research Paper, 2011, 2017, 2018, 2019, Macmillan) nhằm vào hướng dẫn SV chuyên ngành tiếng Anh phương pháp làm NCKH từ khâu chọn chủ đề nghiên cứu, giới hạn đề tài nghiên cứu, bình duyệt đề tài nghiên cứu, cách tìm và đánh giá nguồn tài liệu tham khảo, cách lập dàn ý cho bài nghiên cứu, cách tránh đạo văn trong NCKH, cách viết trích dẫn trong bài NC, viết bản nháp đầu tiên, tu chỉnh và biên tập lại bản nháp cuối cùng, và cuối cùng là khâu trình bày và xuất bản bài NCKH cho giảng viên và xa hơn nữa là đăng trên các tạp chí KH. Cụ thể, học phần PPNCKH gồm có 12 đơn vị bài học nhằm vào: Choosing a topic, Peer Review, Researching, Outlining, Avoiding Plagiarism, The Language of the Research Paper, Writing the first draft, In-text Citation, Academic Language, Editing Your Paper, Presenting Your Research. Dự kiến đầu ra của học phần này là SV có thể viết được các bài tập lớn và viết được các báo cáo khóa luận văn tốt nghiệp (Undergraduate Report Theses).

10. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý GD - ĐT

2 tín chỉ

- Đây là môn học về những thủ tục hành chính nhà nước, nghiên cứu một cách tổng quát nhất về những vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, về tư tưởng của Nhà nước trong các hoạt động chính trị – xã hội. Từ đó sinh viên có thể nêu lên những sáng kiến, giải pháp hoặc quan điểm cá nhân tới những vấn đề còn tồn tại trong thủ tục hành chính và các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước.

11. Giáo dục thể chất

3 tín chỉ

- Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.

- Sinh viên được hướng dẫn thực hành về kỹ thuật nhảy dây, kỹ thuật và phương pháp chạy cự ly trung bình. Ngoài ra sinh viên hiểu được nội dung trong thể dục thể thao học đường, an toàn trong tập luyện và tác dụng cũng như ảnh hưởng khi tập luyện môn Điền kinh, Bóng chuyền, Cầu lông,

12. Giáo dục quốc phòng

3 tín chỉ

- Giáo dục tri thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam về chiến lược “điển biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

13. Tâm lý học đại cương

2 tín chỉ

- Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.

- Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.

14. Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm

3 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu rõ các hiện tượng và quy luật tâm lý theo các lứa tuổi, qua đó nêu lên nguyên nhân, động lực của sự phát triển tâm lý cùng những đặc trưng tâm lý qua các giai đoạn phát triển.

15. Giáo dục học đại cương

2 tín chỉ

- Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.

- Cụ thể, môn giáo dục học đại cương có những nội dung sau: giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...

16. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục

3 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản và các mối quan hệ giữa chúng trong hệ thống lý luận của Dạy và Học diễn ra trong nhà trường và các cơ sở giáo dục.

Qua đó, giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức đã được học để soạn giáo án cho một bài giảng cụ thể bao gồm cả lý thuyết và thực hành.

17. Giao tiếp sư phạm

2 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên lĩnh hội được quá trình tiếp xúc tâm lý giữa các chủ thể trong quá trình giáo dục, nhằm trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, thiết lập nên những mối quan hệ để thực hiện mục đích giáo dục. Ngoài ra, môn học này còn giúp sinh viên nắm rõ được sự tiếp xúc tâm lý giữa GV và HS nhằm truyền đạt và lĩnh hội tri thức khoa học, vốn kinh nghiệm sống, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng để xây dựng và phát triển toàn diện nhân cách cho HS.

18. Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh

2 tín chỉ

- Học phần đánh giá kết quả giáo dục học sinh, một trong những học phần bắt buộc trong việc đào tạo giáo viên sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá. Cụ thể sinh viên sẽ khái quát các hình thức kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông trung học (đánh giá trong tiến trình, đánh giá tổng kết); hiểu các nguyên tắc của việc kiểm tra đánh giá; xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng cần được kiểm tra đánh giá trong chương trình giảng dạy, phân loại bài kiểm tra, nắm vững quy trình ra đề, chọn phương pháp đánh giá phù hợp với khả năng của học sinh và thời gian quy định. Từ đây sinh viên có thể lập ma trận, viết bảng đặc tả cho bài kiểm tra với những loại hình bài tập đa dạng phong phú nhằm đảm bảo độ tin cậy cao và thiết kế những câu hỏi ở cấp độ khác nhau phù hợp với năng lực của học sinh.

19. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

3 tín chỉ

- Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1, 2 và chuẩn bị cho thực tập sư phạm lần 2 ở trường trung học phổ thông. Những yêu cầu sinh viên phải đạt được như sau:

- Phân loại bài giảng và soạn giáo án phù hợp với mỗi bài dạy
- Tích hợp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm) với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo đường hướng giao tiếp.

- Quản lý lớp học mình dạy một cách hiệu quả (khả năng xử lý tình huống trên lớp, kỹ năng trình bày bảng, sử dụng giáo cụ trực quan cũng như kết hợp công nghệ thông tin, kỹ năng soạn bài, kỹ năng đặt câu hỏi).

- Góp ý bài giảng để phát triển nghiệp vụ chuyên môn.

20. Thực hành dạy học tại trường sư phạm

2 tín chỉ

- Thực hành dạy học tại trường sư phạm góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển kỹ năng cũng như phẩm chất nghề nghiệp cho giáo viên. Sau khi hoàn thành học

phần lý thuyết về phương pháp giảng dạy, đây là cơ hội giáo sinh được rèn luyện kỹ năng sư phạm (tác phong ứng xử, khả năng ngôn ngữ), kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giảng dạy và giáo dục, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm khác, đồng thời giúp giáo sinh củng cố, mở rộng những kiến thức đã học trên lớp, linh động sáng tạo ứng dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện trong thực tế ở trường phổ thông. Giáo sinh còn dự giờ minh họa của giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy tại trường sư phạm nhằm giúp kiểm nghiệm và lĩnh hội kiến thức tốt hơn. Ngoài ra giáo sinh có cơ hội trải nghiệm một số tiết dạy và trao đổi kinh nghiệm với giáo viên phổ thông.

21. Kiến tập sư phạm

2 tín chỉ

- Học phần thực tập sư phạm đợt 1 nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với những công việc cũng như các hoạt động dạy học ở trường phổ thông. Cụ thể sinh viên đến các trường phổ thông và sẽ tập làm công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch các hoạt động cho lớp chủ nhiệm cũng như tham gia các phong trào đoàn thể. Sinh viên nghe báo cáo và viết thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục, nghe báo cáo của tổ chuyên môn, dự giờ giáo viên hướng dẫn hay giáo viên trong tổ, thiết kế bài giảng, trực tiếp giảng dạy dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.

22. Thực tập sư phạm

5 tín chỉ

- Thực tập sư phạm đợt 2 là khâu cuối cùng và quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho những giáo viên tương lai. Giáo sinh sẽ vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp cũng như kinh nghiệm giảng dạy trong lần thực tập trước một cách chi tiết hơn để thực hiện những công việc thực thụ của một giáo viên phổ thông. Giáo sinh phải tự soạn giảng những tiết dạy các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) hay kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp) và trực tiếp giảng dạy cho các khối lớp khác nhau. Gs cũng phụ trách 1 lớp chủ nhiệm, lên kế hoạch chi tiết từng tiết chủ nhiệm đặc biệt quan tâm những hs cá biệt hay hs có hoàn cảnh đặc biệt, khéo léo vận dụng kiến thức đã học nhằm xử lý các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao. Gs chủ động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề.

23. Cơ sở lý luận dạy và học ngôn ngữ

2 tín chỉ

- Cơ sở lý luận dạy học tiếng Anh (Foundations of English Language Teaching and Learning) là một học phần nền tảng bắt buộc đối với sinh viên sư phạm. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sư phạm cơ bản về quá trình dạy và học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đồng thời giúp hình thành kỹ năng giảng dạy một cách vững chắc. Kiến thức liên quan đến việc học ngôn ngữ bao gồm sự hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức,

tâm lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu của học sinh. Kiến thức về dạy học tiếng Anh bao gồm các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại đã và đang được sử dụng, các thủ thuật ứng dụng trong từng phương pháp, vai trò của người truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, cách tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.

24. Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1

3 tín chỉ

- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).

25. Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2

3 tín chỉ

- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm: dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.

26. Dẫn luận ngôn ngữ học

2 tín chỉ

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ,

quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

27. Ngôn ngữ đối chiếu Anh - Việt

2 tín chỉ

- Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.

28. Tiếng Việt thực hành

2 tín chỉ

- Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng Việt trong học tập, công việc, cuộc sống. Nội dung học phần tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn hướng đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết.

29. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 tín chỉ

- Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

30. Nghe cơ bản 1

2 tín chỉ

- Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ A2 (KET) theo định hướng đề thi Cambridge và sinh viên có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình. như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....

Hình thức thi cuối kỳ theo chuẩn KET (A2 khung Châu Âu)

31. Nghe cơ bản 2

2 tín chỉ

- Học phần Nghe 2 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói tiếng Anh. Học phần nghe 2 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ B2 (PET) theo định hướng đề thi Cambridge. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trong giao dịch hàng ngày qua việc thực hành nói những chủ đề thông thường trong cuộc sống như:

- Nghe theo chủ đích.
- Nghe theo ngữ nghĩa.
- Nghe theo tình huống thực tế

Hình thức thi cuối kỳ theo chuẩn FCE (B1 khung Châu Âu)

32. Nghe cơ bản 3

2 tín chỉ

- Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe (B2) FCE.

- Môn học NGHE 3 nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh các kỹ năng nghe tiếng Anh như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....

33. Nghe cơ bản 4

2 tín chỉ

Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể học tiếp môn Nghe nâng cao. Đã từ lâu tiếng Anh trở thành thứ tiếng của toàn cầu nên môn tiếng Anh trở thành một môn không thể thiếu trong hệ thống giáo dục, nhằm trang bị cho thế hệ trẻ những hành trang hội nhập với toàn cầu. Chính vì vậy trường Đại học Đồng Nai áp dụng chuẩn đầu ra cho các sinh viên trong đó FCE là một thước đo quan trọng, đặc biệt sinh viên cao đẳng sư phạm năm cuối. Nghe 4 sẽ giúp sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện làm bài thi Nghe FCE. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng học thuật giúp sinh viên nâng cao giao tiếp bằng tiếng Anh.

Hình thức thi cuối kỳ theo chuẩn FCE (B2 khung Châu Âu)

34. Nghe nâng cao

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần:

- Phần 1: Giới thiệu các đặc điểm của đề thi Nghe IELTS
- Phần 2: Các dạng câu hỏi của đề thi Nghe IELTS
- Phần 3: Các kỹ năng nghe.

- Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài tập trong giáo trình tests ở trình độ cao cấp (Advanced) giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kỹ năng Nghe nói riêng.

35. Nói cơ bản 1

2 tín chỉ

Học xong học phần này, học sinh có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt được ý tưởng của mình thông qua các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày, biết sử dụng văn hóa của người bản ngữ vào các hoạt động giao tiếp của mình. Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng Ngữ pháp chức năng để thực hành các mẫu câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

36. Nói cơ bản 2

2 tín chỉ

Học phần Nói 2 tiếp tục cung cấp cho người học những chủ đề thông dụng trong giao tiếp hàng ngày. Qua học phần này sinh viên có thể phát triển kỹ năng giao tiếp từ các hoạt động có kiểm soát đến các tình huống giao tiếp tự do bằng cách sử dụng các cấu trúc chức năng như yêu cầu, đề nghị, xin phép, tùy theo tình huống giao tiếp.

37. Nói cơ bản 3

2 tín chỉ

Học phần Nói 3 cung cấp cho SV những kỹ năng giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ về các đề tài giao tiếp theo tình huống. SV được học cách mô tả cảm xúc, tính cách, mô tả nơi ở và môi trường học tập, nói lên sở thích, đàm phán và than phiền trong mua bán, đưa ra lời khen và biết cách phê bình, mô tả công việc yêu thích và điểm mạnh, yếu của mình, biết cách khuyên và lắng nghe lời khuyên, biết sắp xếp cuộc hẹn, cách giao tiếp trong cho-tặng quà, biết bày tỏ quan điểm của cá nhân . . .

38. Nói cơ bản 4

2 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những chủ đề thông thường và các kỹ thuật tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình hoặc phản bác ý kiến đối nghịch.

Học phần này từng bước giúp sinh viên tự tin hơn khi đứng trước tập thể trình bày quan điểm của cá nhân, hoặc gây tranh cãi với bạn cùng lớp về một vấn đề xã hội, giáo dục, thể thao. Sinh viên còn học được cách sử dụng ngôn ngữ qua cử chỉ, ánh mắt, và điệu bộ để chuyển tải thông tin đến người nghe một cách tự nhiên.

39. Nói nâng cao

2 tín chỉ

- Lĩnh hội những kỹ năng căn bản để chuẩn bị và trình bày một bài nói chuyện trước công chúng một cách có hiệu quả. Biết cách sử dụng Powerpoint để thuyết trình.

- Nắm được những yêu cầu cần thiết để biên soạn được một bài nói chuyện trước công chúng tùy theo mục đích khác nhau.

- Khắc phục sự sợ hãi và rèn luyện sự tự tin để trình bày và đối mặt với những câu hỏi đặt ra cho một bài nói chuyện trước công chúng

- Rèn luyện khả năng nói chuyện lưu loát trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau khi xuất hiện trước công chúng.

40. Đọc cơ bản 1

2 tín chỉ

- Giúp sinh viên có khả năng đọc độc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản và mở rộng kiến thức về những chủ đề đời sống học đường, thiên nhiên, ăn uống, cộng đồng, gia đình, và văn hóa. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng, nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), tự đọc và phát triển khả năng phê phán tư duy trong quá trình đọc của mình (critical reading).

41. Đọc cơ bản 2

2 tín chỉ

- Giúp sinh viên có khả năng đọc độc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản (reading skills) thông qua việc đọc trong lớp (intensive reading) và đọc mở rộng (extensive reading). Khóa học khuyến khích người đọc tham gia tích cực trong việc phát triển khả năng đọc (reading development) và khả năng tư duy (critical thinking) của mình. Học sinh mở rộng kiến thức về những chủ đề về sức khỏe, đời sống xã hội, phong tục, lễ hội, khoa học kỹ thuật, văn hoá mua sắm toàn cầu. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng (vocabulary), nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), viết tóm tắt một bài đọc (summary), đọc và mở rộng tìm kiếm thông tin trên website, báo chí về những chủ đề liên quan, tự đọc và phát triển khả năng phê phán trong quá trình đọc của mình (critical reading).

42. Đọc cơ bản 3

2 tín chỉ

- Giúp sinh viên có khả năng đọc độc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản (reading skills) thông qua việc đọc trong lớp (intensive reading) và đọc mở rộng (extensive reading). Khóa học khuyến khích người đọc tham gia tích cực trong việc phát triển khả năng đọc (reading development) và khả năng tư duy (critical thinking) của mình. Học sinh mở rộng kiến thức về những chủ đề về sức khỏe, đời sống xã hội, phong tục, lễ hội, khoa học kỹ thuật, văn hoá mua sắm toàn cầu. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng (vocabulary), nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), viết tóm tắt một bài đọc (summary), đọc và mở rộng tìm kiếm thông tin trên website, báo chí về những chủ đề liên quan, tự đọc và phát triển khả năng phê phán trong quá trình đọc của mình (critical reading).

43. Đọc cơ bản 4

2 tín chỉ

- Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên TOEFL và FCE.

44. Đọc nâng cao 1

2 tín chỉ

- Học phần này giúp sinh viên làm quen các chủ đề có liên quan đến cuộc sống hiện nay như ô nhiễm môi trường, bảo vệ đời sống động vật hoang dã, việc bùng nổ dân số ... và các lĩnh vực liên quan đến học thuật như xã hội học, lịch sử, địa lý, thiên văn học, khảo cổ học, tin học. Ngoài ra qua học phần này sinh viên sẽ làm quen với kỹ thuật đọc như skimming, scanning, inference và các thủ thuật để phát triển từ vựng để có thể đọc nhanh và hiệu quả các bài đọc trong lớp, trong các kỳ thi hay các bài viết trên các bài viết hàng ngày. Học phần này sẽ giúp cho sinh viên làm quen với các bài thi quốc tế như TOEFL và CEF qua các bài đọc được thiết kế trong học phần này.

45. Đọc nâng cao 2

2 tín chỉ

Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên.

46. Viết cơ bản 1

2 tín chỉ

- Vì câu là đơn vị nòng cốt trong ngôn ngữ, nên học phần này sẽ tập trung xây dựng cho sinh viên các kỹ năng viết về câu. Cụ thể như sau:

+ **Các loại câu** : Trong chương này sinh viên sẽ phát triển viết các loại câu theo mẫu . Bằng cách lựa chọn và phối hợp các mệnh đề, sinh viên sẽ thực hành viết để đạt được sự nhuần nhuyễn về các loại câu như câu đơn, câu kép, câu phức, câu phức kép, bên cạnh đó sinh viên còn được hướng dẫn cách sử dụng các từ nối câu và các liên từ phụ để xây dựng các loại câu sao cho hiệu quả. Kết thúc của mỗi đơn vị bài học sẽ là các bài tập rèn luyện viết câu mà nhắm vào đa dạng các bài tập như nhận diện các loại câu, xác định các kiểu mẫu câu, xác định chủ từ, động từ, túc từ, các thành phần bổ nghĩa cho câu, cho động từ, xây dựng câu, biến đổi câu, viết tóm tắt đoạn văn, nhận diện các lỗi thông thường trong câu, viết thư trên cơ sở các ngữ liệu gợi ý.

+**Mệnh đề:** Trong các đơn vị bài học này, Sinh viên sẽ phân biệt và thực hành được các loại mệnh đề độc lập, mệnh đề chính và mệnh đề phụ. Trọng tâm của đơn vị bài học xoay sâu vào mệnh đề phụ như các hình thức mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, mệnh đề trạng từ, vị trí của các loại mệnh đề này trong tương quan ngữ pháp với các thành phần khác trong câu.

+ **Cụm từ** : Các đơn vị bài học này sẽ giúp sinh viên nắm vững chức năng trong câu của các loại cụm từ như cụm nguyên thể, cụm giới từ, cụm phân từ, cụm danh từ và mệnh đề rút gọn để từ đó sử dụng chúng hiệu quả trong câu.

Cách viết câu hiệu quả: Trong phần này sinh viên sẽ nắm vững các kỹ thuật để viết một câu hoàn chỉnh và hiệu quả qua việc sử dụng các loại từ nối, biết kết nối các ý tưởng một cách mạch lạc và nhất quán.

47. Viết cơ bản 2

2 tín chỉ

Sinh viên cần nắm được các thành phần chính của một đoạn văn bắt đầu với việc tìm hiểu tổng quát về một đoạn văn, xác định ba thành phần cốt lõi của một đoạn văn bao gồm câu chủ đề, các câu hỗ trợ câu chủ đề, câu kết luận. Trong phần này, sinh viên nhìn chung phải nhận diện được câu chủ đề tốt từ câu chủ đề không tốt, viết được câu chủ đề, xác định được các câu hỗ trợ có liên quan đến câu chủ đề thông qua dữ kiện, ý kiến cá nhân, ví dụ minh họa, thống kê, trích dẫn, nhặt ra được các câu không liên quan, viết được các câu hỗ trợ câu chủ đề, xác định và viết được các câu kết đoạn, câu bày tỏ ý kiến cá nhân sau cùng. Kết thúc các đơn vị bài học này, sinh viên có thể thực hành viết được 3 loại câu chính của một đoạn văn và một đoạn văn ngắn dựa trên các chủ đề cho trước. Sau phần này các em tiếp tục khai thác cách viết câu hỗ trợ và câu kết sao cho đoạn văn đạt được tính thống nhất và tính chặt chẽ mạch lạc của đoạn văn.

48. Viết cơ bản 3

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần và được phân bổ cụ thể như sau:

Phần 1: Giới thiệu tổng quát cấu trúc của môn học viết cơ bản 3.

Định hướng cách học viết cơ bản 3 sao cho có hiệu quả nhất.

Phần 2: Hướng dẫn các em cách viết các thể loại đoạn văn bắt buộc có trong khung chương trình học phần viết cơ bản 3 như: đoạn văn định nghĩa, quá trình, nguyên nhân-kết quả, so sánh-đối chiếu và bày tỏ quan điểm.

Phần 3: Giúp các em gia tăng vốn từ vựng, đa dạng các loại câu, củng cố kiến thức ngữ pháp, các từ nối câu để xây dựng các câu trong đoạn văn một cách tốt hơn. Mục đích là để giúp cho đoạn văn mà sinh viên xây dựng có tính nhất quán, thống nhất và chặt chẽ đúng văn phong của người Anh- Mỹ.

48. Viết cơ bản 4

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 4 đơn vị bài học:

Unit 1: Exploring the Essay

Unit 2: Cause-Effect Essays

Unit 3: Argumentative Essays

Unit 4: Comparison / Contrast Essays

Nắm được kỹ năng viết bài luận văn tiếng Anh học thuật bậc đại học, chuẩn bị đi chuyên sâu vào môn nghiên cứu khoa học tiếng Anh (Research Writing), viết nâng cao 1 & 2, và làm các bài tập lớn.

Quán triệt kỹ thuật viết bài luận ở các thể loại chủ yếu như quan điểm, tranh luận, so sánh, nguyên nhân - kết quả, v.v.

Phân biệt được các thể loại bài luận văn khác nhau.

49. Viết nâng cao 1

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần

Phần 1: Từ bài 1- bài 6 giới thiệu tổng quát các dạng sơ đồ, bảng biểu thường gặp trong đề thi IELTS và có các bài tập nhằm hướng dẫn sinh viên biết tóm tắt thông tin bằng cách chọn lọc, trình bày và so sánh những điểm quan trọng.

Phần 2: Từ bài 7 – 13 chú trọng hướng dẫn từng bước cách viết các phần trong bài luận, đi sâu vào chi tiết cách mô tả xu hướng và so sánh thông tin trong các dạng biểu đồ. Mỗi bài đều có các bài mẫu hướng dẫn sinh viên biết cách trả lời câu hỏi trong bài thi và cách để viết một bài luận đạt được điểm cao.

50. Viết nâng cao 2

2 tín chỉ

Học phần gồm 3 đơn vị bài học tập trung vào các dạng phổ biến trong viết bài luận học thuật Task 2 trong kỳ thi IELTS. Các dạng đề thi viết được chia thành 3 loại: **Advantages/ Disadvantages, Problem/solution** và **Opinion**.

Unit 1 : Xem xét dạng Advantages/ Disadvantages essays. Trong dạng bài luận này, sinh viên phải thảo luận các điểm thuận lợi và bất lợi của một chủ đề và sau đó trình bày quan điểm của mình.

Unit 2 : Xem xét dạng Problem/Solution essays. Sinh viên phải giải thích nguyên nhân của một vấn đề xã hội phổ biến và đưa ra đề nghị cách giải quyết.

Unit 3 : Xem xét dạng Opinion essays. Sinh viên phải trình bày quan điểm về một chủ đề và sau đó biện minh cho ý kiến của mình.

51. Ngữ âm thực hành 1

2 tín chỉ

- Học phần Ngữ âm thực hành (1) nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên chuyên ngữ tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn xác.

- Học xong học phần sinh viên sẽ nắm vững:
- Hệ thống/ ký hiệu hệ thống phiên âm quốc tế (12 nguyên âm, 24 phụ âm và 8 nhị trùng âm (nguyên âm đôi).
- Cách phát âm các nguyên âm, nhị trùng âm
- Cách nhấn trọng âm của từ.
- Các loại ngữ điệu trong văn nói
- Có thể viết đúng phiên âm quốc tế của từ.

52. Ngữ âm thực hành 2

2 tín chỉ

- Tiếp nối học phần Ngữ âm thực hành (1), Ngữ âm thực hành (2) tiếp tục giúp sinh viên chuyên Anh ngữ hoàn thiện phát âm của mình để giao tiếp tự tin.

- Học xong học phần này sẽ nắm vững
- 24 phụ âm
- cách phát âm ED/ES ending
- cách nhấn trọng âm của từ
- Ngoài ra, học phần còn tạo cơ hội cho SV luyện tập để hoàn thiện hơn phát âm của mình, và từng bước cải thiện 2 kỹ năng nghe, nói thông qua các hoạt động giao tiếp

53. Ngữ pháp 1

2 tín chỉ

- Học phần này giúp sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Trên cơ sở đó, một mặt sinh viên sẽ nghiên cứu các thành phần của câu với dạng những từ loại đơn lẻ như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, đại từ, mạo từ. Riêng phần giới từ là một lĩnh vực khó nên trong giai đoạn này sinh viên chỉ khảo sát và luyện tập một số giới từ cơ bản. Phần còn lại về giới từ sẽ được tiếp tục nghiên cứu ở giai đoạn sau, ở mức độ sâu hơn. Mặt khác sinh viên sẽ nghiên cứu các thành phần của câu dưới dạng các cụm hay ngữ, cụ thể như cụm danh từ, cụm giới từ, cụm tính từ, cụm trạng từ.

54. Ngữ pháp 2

2 tín chỉ

- Học phần Ngữ pháp 2 tiếp tục trang bị cho học sinh nắm được những mảng kiến thức căn bản cần thiết về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản.

- Nội dung chính của học phần là tiếp tục triển khai các mẫu câu đã học ở học phần trước theo dạng câu phức tạp. Khác với học phần trước đặt trọng tâm thành phần chủ yếu của câu là các đơn vị từ và cụm từ riêng lẻ, trong học phần này thành phần của câu được chú trọng đặc biệt là các mệnh đề phụ. Tuy nhiên, những từ loại chưa được đề cập đến nhiều trong Ngữ Pháp 1 sẽ được giải thích và áp dụng cụ thể trong Ngữ Pháp 2 vì chúng thích hợp với nội dung câu phức, tức là trong tâm của học phần này.

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần cụ thể của câu như các loại ngữ, các loại mệnh đề từ đơn giản đến phức tạp, từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng Việt.

55. Ngữ âm học

2 tín chỉ

- Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.

- Khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học; Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu phiên âm tiếng Anh;

- Những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, v.v. để có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này.

- Có được năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân, cũng như sẽ ứng dụng trong công việc sau này.

56. Cú pháp học

2 tín chỉ

- Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức ngữ pháp đã học trong chương trình ngữ pháp thực hành, có khả năng phân tích thành phần các loại câu từ đơn giản đến phức tạp; và sử dụng cấu trúc cây (tree diagrams) giải thích các câu lưỡng nghĩa (ambiguous sentences)

- Cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp học của thứ tiếng mà họ đang học nhằm giúp họ có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp của thứ tiếng đó khi họ ra trường với tư cách là một giáo viên ngoại ngữ.

- Góp phần cùng các bộ môn khác rèn luyện tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.

- Tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên.

57. Đất nước học Anh

2 tín chỉ

- Học phần Đất nước học Anh-Mỹ giới thiệu sinh viên lối sống, thái độ, phong tục truyền thống, và tính cách của người Anh và Mỹ. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên nắm được những kiến thức về lịch sử, địa lý, phong tục, giáo dục, thể chế của đất nước Anh và Hoa Kỳ. Qua học phần này sinh viên có thể so sánh nền văn hóa của Hoa Kỳ và Vương Quốc Anh với nền văn hóa Việt Nam trong các lĩnh vực.

- Tăng cường khả năng thực hành ngôn ngữ và thu thập xử lý thông tin thông qua các tiết học trình bày, tranh luận về các vấn đề liên quan.

58. Ngữ nghĩa học

2 tín chỉ

- Học phần này giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; Các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ nghĩa (sense relations)

- Cụ thể sinh viên có thể nắm vững:

- Nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...)

- Quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...)

- Hành động nói, tiền giả định, hàm ý, hành động ngôn từ và hành động trung ngôn, hành động nói trong tình huống

- Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học.

59. Đất nước học Mỹ

2 tín chỉ

- Môn Văn Học Anh-Mỹ nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực văn học Anh-Mỹ. Cụ thể môn học giúp SV:

- Hiểu về nền văn học Anh-Mỹ

- Biết cách phân tích đúng và chính xác một tác phẩm văn xuôi (written prose) cũng như thơ (poetry works) của các tác giả nổi tiếng và tiêu biểu của hai nền văn chương Anh-Mỹ

- Biết cách so sánh và đối chiếu ở một mức độ cơ bản giữa văn học Anh-Mỹ liên hệ đến một số tác phẩm cơ bản trong văn học Việt Nam.

- Thông qua các tác phẩm văn chương, xây dựng cho người học tình yêu cho văn chương, giá trị thẩm mỹ, giá trị nhân đạo, thế giới quan khoa học cũng như biết phê bình những cái tiêu cực trong cuộc sống xã hội xưa và nay.

- Sau khi học xong hai môn học này, SV có khả năng viết phê bình và phản hồi các câu hỏi liên quan đến tác phẩm văn học Anh-Mỹ. Do đó, có thể nói rằng môn học cũng nhằm nâng cao khả năng ngôn ngữ cho SV thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, Viết và thảo luận và giải quyết vấn đề.

60. Dịch Anh - Việt

3 tín chỉ

- Nội dung học phần môn dịch Anh - Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí một cách thành công và hiệu quả.

- Học xong học phần này, SV chuyên ngành tiếng Anh có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần đến khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Anh sang Việt cũng như có thể làm việc trong các công ty du lịch, giải trí, các trung tâm Anh ngữ và các trường trung học phổ thông mà cần đến kỹ năng biên phiên dịch Anh - Việt.

- Cụ thể, môn dịch Anh - Việt gồm có hai phần chính. Phần thứ nhất bao gồm tổng quan lý thuyết về các cấu trúc văn phạm thường gặp, các kỹ thuật sơ đẳng và các bẫy trong khi dịch, ngữ thức cố định, thành ngữ, các từ thông tục dùng trong đời sống, và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành.....

- Phần 2 nhắm vào khai thác dịch các đoạn văn ngắn được trích dẫn từ nhiều nguồn học thuật văn bản tiếng Anh dựa trên các chủ đề: Kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại, du lịch, đất nước và con người được trích dẫn từ các tài liệu giáo trình dịch Việt Anh của các dịch giả trong nước, các trang mạng như BBC news, CCN news, Tuoitrenews..... Cụ thể, chương 2 gồm 6 chủ đề chính, mỗi chủ đề gồm 3 đơn vị bài học được rèn luyện dịch trên lớp và cuối mỗi chủ đề đều có từ 2 đến 3 bài đọc luyện dịch thêm ở nhà nhằm giúp các em sinh viên luyện dịch chuyên sâu hơn dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

61. Hình thái học

2 tín chỉ

- Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Sinh viên có khả năng phân biệt hình vị tự do hay cố định. Các hậu tố tạo nên danh từ, động từ hoặc tính từ. Những thay đổi về hình vị của từ kéo theo những đổi thay về mặt phát âm. Nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh để sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu & sản sinh ngôn ngữ.

62. Khóa luận

5 tín chỉ

Khóa luận là học phần tự chọn thay cho các môn học kỳ cuối, qua đó sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.

63. Dịch Việt - Anh

3 tín chỉ

- Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.

- Học xong học phần này, SV có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Việt sang Anh cũng như

có thể làm việc trong các công ty du lịch, giải trí, các trung tâm Anh ngữ và các trường trung học phổ thông mà cần đến kỹ năng biên phiên dịch Việt Anh.

- Cụ thể, học phần dịch Việt Anh gồm 2 chương nhằm vào các kiến thức và kỹ năng cụ thể về biên dịch Việt-Anh như sau:

- Phần 1 chủ yếu nhằm vào các kỹ thuật dịch văn phạm ở cấp độ câu, đoạn, mệnh đề, cấu trúc bị động, cũng như cung cấp các vốn từ vựng nâng cao chuyên ngành, các lối nói thông tục, thành ngữ được sử dụng trong đời sống hàng ngày mà nhằm vào đối sánh giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Phần 1 này đóng vai trò làm nền tảng để đi chuyên sâu hơn vào phần 2 mà nhằm vào khai thác dịch các đoạn văn ngắn tiếng Việt có lượng từ 250 đến 450 từ với các chủ đề như: kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại và báo chí. Cụ thể, chương 2 gồm 6 đơn vị bài học trong đó mỗi đơn vị bài học gồm 1 bài hướng dẫn học dịch trên lớp; 2 bài tập luyện dịch ở nhà dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mỗi đơn vị bài học đều có các hoạt động hướng dẫn học dịch nhằm vào khai thác bài text, đối tượng, mục đích, giải thích chi tiết về từ vựng trong ngữ cảnh và ví dụ minh họa đi kèm; các ghi chú và hướng dẫn dịch chi tiết từ câu đến câu, đoạn đến đoạn và toàn bộ văn bản.

64. Kỹ năng thuyết trình

2 tín chỉ

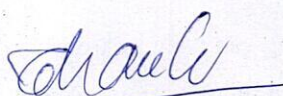
Nội dung môn học gồm:

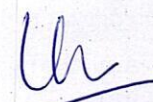
- Giới thiệu môn học, mục tiêu khóa học, cách đánh giá.
- Giới thiệu bản thân và phần thuyết trình của bạn
- Cách tổ chức một buổi thuyết trình
- Cách sử dụng ngôn ngữ, thực hành thay đổi ngôn ngữ viết thành ngôn ngữ nói
- Trình bày cách thiết kế và sử dụng các phương tiện trực quan tốt
- Tầm quan trọng của ngôn ngữ cơ thể
- Thực hành sử dụng ngôn ngữ và ngôn ngữ cơ thể để truyền đạt thông điệp của bạn một cách rõ ràng và thuyết phục
- Thực hành kết thúc một bài thuyết trình
- Trình bày cách xử lý câu hỏi hiệu quả khi kết thúc bài thuyết trình
- Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. Thực hành xử lý các câu hỏi
- Thực hành trình bày và đánh giá bài thuyết trình

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG


Khai Thị


Võ Thị Mộng Thu

32



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Phạm Văn Khanh